

THÍCH ỨNG CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM TRƯỚC SỰ GIA TĂNG CẠNH TRANH ĐỊA CHÍNH TRỊ, KINH TẾ GIỮA CÁC NƯỚC LỚN Ở ĐÔNG NAM Á

ĐINH THỊ HIỀN LƯƠNG*

Tóm tắt: Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung leo thang và quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam đã triển khai chiến lược thích ứng đa chiều nhằm cân bằng áp lực từ các nước lớn, định vị lại vai trò trong chuỗi giá trị toàn cầu và bảo vệ lợi ích quốc gia. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh địa chính trị, kinh tế giữa các nước lớn ở Đông Nam Á và những giải pháp nhằm thích ứng chiến lược của Việt Nam trong tình hình mới.

Từ khóa: Thích ứng chiến lược, cạnh tranh địa chính trị, kinh tế, cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, Việt Nam, ASEAN

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính trị - an ninh

Abstract: In the context of escalating US-China strategic rivalry and global supply chain reconfiguration, Vietnam has implemented a multidimensional adaptation strategy aimed at balancing pressures from major powers, repositioning its role within global value chains and safeguarding national interests. This article examines the opportunities and challenges that Vietnam confronts amidst the intensifying geopolitical and geoeconomic competition among major powers in Southeast Asia, and explores the measures underpinning strategic adaptability in the new situation.

Keywords: Strategic adaptability, geopolitical competition, geoeconomic competition, US-China strategic rivalry, supply chain restructuring, Vietnam, ASEAN

(Ngày nhận bài: 28/11/2025; ngày gửi phản biện: 1/12/2025; ngày duyệt bài: 15/12/2025)

Mở đầu

Trong quan hệ quốc tế, thích ứng chiến lược thường được xem xét gắn với những nghiên cứu, phân tích về tổng thể hành vi của các chủ thể trong hệ thống quốc tế. Xét từ nhiều khía cạnh, thích ứng chiến lược khá tương đồng với cách hiểu về tư duy chiến lược như là một quá trình quan sát, lý giải và nắm bắt các xu thế chủ đạo, thể hiện tầm nhìn và cách tiếp cận về không gian chiến lược để từ đó huy động nguồn lực và tập hợp lực lượng nhằm đạt mục tiêu chủ chốt, lâu dài¹.

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn biến ngày càng phức tạp, cần phải làm rõ, cụ thể hóa khái niệm “thích ứng chiến lược” (strategic adaptability) và nội hàm của nó, đặc biệt trong bối cảnh không gian chiến lược của một quốc gia hiện

* TS., Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Ngoại giao
Email: luongdinh@dav.edu.vn

¹ TS. Lê Đình Tĩnh, “Bàn về tư duy chiến lược: Lý thuyết, thực tiễn và trường hợp Việt Nam”, *Nghiên cứu quốc tế* số 4 (111), tháng 12/2017, 8-9.

nay không chỉ giới hạn về địa lý, mà còn mở rộng ra không gian mạng, thích ứng chiến lược có ý nghĩa quan trọng và vô cùng cấp thiết để bảo vệ đất nước “từ sớm, từ xa”².

Bài viết chỉ ra rằng thích ứng chiến lược của Việt Nam dựa trên ba nhóm giải pháp trụ cột: (1) đổi mới thể chế và nâng cao năng lực nội sinh; (2) đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, và (3) phát huy vai trò trung tâm của ASEAN như một cơ chế cân bằng chiến lược của khu vực. Tuy nhiên, Việt Nam cần tiếp tục tăng cường năng lực công nghệ, giảm thiểu phụ thuộc cấu trúc và xây dựng cơ chế ứng phó với khủng hoảng để duy trì tính bền vững trong giai đoạn tới. Với mong muốn tìm hiểu một vấn đề có tầm quan trọng và ý nghĩa cấp thiết đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển, bài viết đưa ra một số suy nghĩ và nhận định có tính chất gợi mở và tham khảo cho các nghiên cứu chuyên sâu tiếp sau.

1. Căng thẳng địa chính trị, kinh tế giữa các nước lớn ở Đông Nam Á: Cơ hội và rủi ro cho các nước ASEAN

Các nước ASEAN đối mặt với kỷ nguyên bất ổn và bất định trong quan hệ Mỹ - Trung. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã chuyển từ đối đầu thương mại sang tranh giành ảnh hưởng toàn diện, bao trùm các lĩnh vực công nghệ, an ninh và trật tự khu vực. Chuỗi cung ứng phụ thuộc nhiều vào hai cường quốc, chiến tranh thuế quan đã và đang ảnh hưởng đến toàn khu vực. Quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu cũng đã tạo ra những tác động không đồng đều đối với các nền kinh tế Đông Nam Á. Thuế quan áp dụng đối với hàng hóa trung gian đặc biệt gây bất lợi cho ASEAN - khu vực chủ yếu tham gia ở khâu lắp ráp, nhập khẩu linh kiện để tái xuất với mức giá trị gia tăng khiêm tốn. Thị trường nội khối ASEAN phát triển chậm với thương mại nội khối chỉ chiếm khoảng 23% tổng kim ngạch, khiến khu vực dễ chịu tác động bất lợi từ các “cú sốc” bên ngoài. Xu hướng hình thành các khối chuỗi cung ứng song song Mỹ - đồng minh một bên, và Trung Quốc - đối tác một bên, làm gia tăng nguy cơ phân mảnh hệ sinh thái công nghệ toàn cầu. Chính quyền Tổng thống Trump 2.0 duy trì sự tương tác theo góc độ thực dụng, ưu tiên giảm thiểu rủi ro, thay vì phân tách hoàn toàn, chủ trương không “phân tách toàn diện” mà tập trung vào kiểm soát xuất khẩu, gia tăng chủ nghĩa bảo hộ công nghệ chiến lược, tách rời công nghệ (decoupling) có chọn lọc ở lĩnh vực công nghệ chiến lược (AI, chip tiên tiến, lượng tử), tạo “hàng rào công nghệ cao” đối với Trung Quốc. Trump duy trì áp lực thuế quan như đòn bẩy đàm phán nhưng có thể linh hoạt nếu Trung Quốc nhượng bộ về việc mua hàng Mỹ, tiếp cận thị trường, chuyển giao công nghệ thì sẵn sàng đàm phán về thương mại, công nghệ nếu có lợi cho Mỹ. Thông qua tái tổ chức chuỗi cung ứng, phong tỏa công nghệ và kiểm soát đầu tư..., Mỹ tìm cách cài đặt lại luật chơi, giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc trong các lĩnh vực then

² PGS. TSKH. Trần Khánh, *Địa chiến lược Việt Nam Tầm nhìn 2030: Những vấn đề lý luận, thực tiễn và thích ứng chính sách* (xuất bản lần thứ 2) (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023), 487-491.

chốt, xây dựng một “hệ thống” tiêu chuẩn Mỹ trong công nghệ AI, điện toán lượng tử, chip, đất hiếm, tăng cường vị thế số một trên mọi mặt, ràng buộc nhiều quốc gia hơn về tài chính, thương mại vận tải biển, tìm cách ngăn chặn những huyết mạch giúp cho Trung Quốc phát triển và mở rộng ảnh hưởng.

Dù Chiến lược An ninh quốc gia (NSS) được đưa ra tháng 12/2025 của Mỹ có mềm hóa về ngôn từ, không nêu đích danh Trung Quốc là cường quốc xét lại (revisionist power) như trong NSS 2017 dưới thời chính quyền Trump 1.0, nhưng chiến lược mới không thay đổi về bản chất, phản ánh mục tiêu kiểm chế thực dụng và cạnh tranh toàn diện có kiểm soát (managed rivalry) dài hạn đối với Trung Quốc thông qua cách tiếp cận thực dụng hơn, chi phí thấp. Chiến lược NSS mới nhất quán với khái niệm “mối đe dọa/thách thức lâu dài” (pacing threat/challenge) mà các quan chức của chính quyền Mỹ sử dụng khi đề cập về Trung Quốc, hàm ý mối đe dọa/thách thức đối sánh từ một đối thủ cường quốc mà Mỹ dùng làm thước đo sức mạnh quốc gia của mình, định hình chiến lược và phân bổ nguồn lực trên mọi lĩnh vực. Mỹ ưu tiên chuyển hoạt động sản xuất sang các nước bạn bè, láng giềng thân thiện, có lập trường chính trị tương đồng, hệ thống kinh tế tương thích, hình thành mô hình quản lý chuỗi cung ứng “friend-shoring” và “near-shoring” - chuyển sản xuất về các đối tác đáng tin cậy (Mexico, ASEAN, Ấn Độ) thay vì phụ thuộc vào Trung Quốc, đồng thời tạo cơ hội cho các nước tăng cường vị thế và giá trị chiến lược. Nói cách khác, NSS 2025 của Mỹ chuyển trọng tâm từ việc đánh trực diện vào Trung Quốc sang tấn công môi trường và không gian chiến lược mà Trung Quốc cần dựa vào để phát triển nhằm ngăn chặn mối đe dọa Trung Quốc từ gốc rễ.

Vai trò trung tâm của ASEAN trong cạnh tranh Mỹ - Trung được nhìn nhận từ cả hai chiều. Một mặt, cạnh tranh cường quốc được thúc đẩy bởi nhân tố quyền lực cấu trúc theo tư duy chủ nghĩa hiện thực, đồng thời các nhà lãnh đạo ở Washington và Bắc Kinh thường không chịu các ràng buộc thể chế, khiến vòng xoáy cạnh tranh giữa hai siêu cường ở khu vực gia tăng, từ đó tạo ra sự bất ổn và phân mảnh cả về địa chính trị và địa kinh tế³. ASEAN cũng đối mặt với những hạn chế cấu trúc cả về kinh tế thương mại cũng như vai trò chính trị - an ninh, như một chuyên gia Mỹ nhận định: “Không có nhiều kỳ vọng” có thể hợp tác với ASEAN như một tổ chức khu vực, mà vẫn phải tiếp cận song phương với từng nước “bên lề ASEAN”. Mặt khác, ASEAN có khả năng định hình hành vi của cường quốc, tác động đến cách thức cạnh tranh của các nước lớn ở Đông Nam Á. Nói cách khác, ASEAN như vùng đệm đòi hỏi các nước lớn phải tôn trọng tính trung lập của nó. Vai trò trung tâm của ASEAN không loại trừ các cường quốc bên ngoài, vẫn đảm bảo các cường quốc này tham gia các khuôn khổ đa phương thay vì chủ nghĩa song phương cưỡng ép. Trong ngắn hạn, mỗi nước ASEAN đều tìm cách giảm thiểu tổn thất thông qua đàm phán riêng lẻ về thuế quan. Việc các nước trong

³ Mohd Faiz Abdullah, “Navigating geopolitics in a fragmented world order”, in Faiz Abdullah edited, *ASEAN in 2025: Shaping an inclusive and sustainable future* (ISIS Malaysia), 3-6.

khu vực cùng nhau phản đối chính sách chống toàn cầu hóa sẽ có lợi hơn cho tất cả, nhưng đòi hỏi phải xây dựng lập trường chung và chiến lược đàm phán tập thể - điều mà ASEAN vẫn chưa đạt được do sự khác biệt về lợi ích quốc gia.

Biển Đông tiếp tục là điểm nóng an ninh tác động trực tiếp đến Việt Nam và khu vực. Cục diện ở Biển Đông cơ bản đã có chuyển biến bất lợi cho các nước có yêu sách trong ASEAN. Điều đáng lo ngại là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982 - vốn được coi là “Hiến pháp của đại dương”, là mỏ neo của an ninh biển khu vực - đang đối mặt với nhiều thách thức. Tuy nhiên, luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS, vẫn cung cấp nền tảng và con đường khả thi duy nhất để giải quyết các vấn đề biển. Việc duy trì UNCLOS giúp tránh được vòng xoáy căng thẳng và xung đột quân sự.

2. Thích ứng chiến lược của Việt Nam: từ tư duy tiếp cận đến mục tiêu thực tiễn

Có thể định nghĩa khái quát “thích ứng chiến lược” là khả năng, năng lực của một chủ thể quốc gia trong việc điều chỉnh quá trình hoạch định và thực thi chính sách, chiến lược về phát triển quốc gia (chính trị, an ninh, kinh tế, đối ngoại...) một cách linh hoạt và hiệu quả nhằm đáp ứng với những thay đổi trong cấu trúc quyền lực quốc tế và môi trường địa chính trị khu vực, đồng thời duy trì thế cân bằng trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đảm bảo tự chủ chiến lược và bảo vệ lợi ích cốt lõi quốc gia. Nói cách khác, thích ứng chiến lược là cách tiếp cận tổng thể của nhận thức, tư duy và hành động, giúp (i) nhận diện đúng vấn đề, đánh giá rủi ro, cơ hội; (ii) dự báo chính xác xu hướng biến động địa chính trị, kinh tế; (iii) sử dụng hiệu quả các nguồn lực để từ đó xây dựng định hướng chiến lược dài hạn, (iv) tạo môi trường chiến lược, không gian chiến lược tối ưu cho an ninh và phát triển của quốc gia.

Khu vực Đông Nam Á có cơ hội tăng cường hợp tác kinh tế, công nghệ với nhiều lựa chọn hơn với các đối tác, củng cố và mở rộng không gian chiến lược cho các nước trong khu vực, từ đó tăng tự chủ chiến lược và cân bằng chiến lược, cùng chia sẻ lợi ích từ hợp tác thương mại, đầu tư, công nghệ. Tuy nhiên, các nước ASEAN cũng phải đối mặt với những thách thức như áp lực chọn bên, chính sách bảo hộ sẽ là cái cớ để chính quyền Trump sử dụng để áp thuế lên hàng hóa ASEAN nếu thâm hụt thương mại gia tăng, Việt Nam cần có sự chuẩn bị để có thể thích nghi tốt cả về năng lực sản xuất và tìm kiếm thị trường. Bên cạnh đó, chính quyền Trump sẽ có thể yêu cầu chia sẻ trách nhiệm an ninh: ASEAN có thể sẽ phải đóng góp nhiều hơn vào an ninh khu vực (Biển Đông, các vấn đề an ninh phi truyền thống, cơ sở hạ tầng biển, an ninh năng lượng, chống khủng bố), dẫn đến sự gia tăng chi phí nâng cao năng lực quốc phòng và tiềm ẩn nguy cơ gia tăng căng thẳng ở khu vực.

Về kinh tế, Việt Nam được các chuyên gia quốc tế đánh giá là một “mắt xích kết nối” quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực. Theo phân tích tại các hội thảo quốc tế, bên cạnh hoạt động trung chuyển, Việt Nam cũng tham gia hợp tác thực chất trong chuỗi

cung ứng khu vực gồm Việt Nam, Thái Lan, Indonesia. Các sản phẩm chính hoặc sản phẩm trung gian sau khi được lắp ráp trong quy trình chính thức tại các quốc gia ASEAN sẽ được vận chuyển đến các thị trường lớn⁴. Trung Quốc, Mỹ và các nước EU tiếp tục là những thị trường lớn xuất khẩu nhất, đồng thời là nguồn cung đầu vào quan trọng cho sản xuất, có thể mạnh về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý để giúp Việt Nam nâng cao khả năng sản xuất⁵. Xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt kỷ lục, năm 2025 đã lần đầu tiên vượt mốc 900 tỷ USD, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới⁶; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu đều ở mức cao dù chịu ảnh hưởng bất lợi từ căng thẳng thuế quan do cạnh tranh địa chính trị, kinh tế leo thang, xu hướng bảo hộ gia tăng⁷. Đặc biệt, khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã lấy lại đà tăng trưởng ngoạn mục ở mức 9,7%, khẳng định vai trò dẫn dắt nền kinh tế, phản ánh Việt Nam đang chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong khâu trung gian sản xuất ở khu vực⁸.

Mạng lưới hiệp định thương mại tự do (FTA) rộng khắp là một lợi thế của Việt Nam trong việc củng cố và mở rộng môi trường đối ngoại thuận lợi cho sự hội nhập và phát triển. Việt Nam sở hữu nguồn lực thể chế quan trọng thông qua việc tham gia khoảng 17 FTA tiên tiến, bao gồm Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và Nghị định thư nâng cấp Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA 3.0). Mạng lưới này không chỉ tạo điều kiện tiếp cận thị trường mà còn cung cấp khuôn khổ pháp lý để Việt Nam điều hướng trong môi trường địa chính trị phức tạp.

Về chính trị - an ninh, Việt Nam có nhiều nguồn lực và điều kiện thuận lợi để triển khai các hoạt động đối ngoại phong phú đa dạng, duy trì thế cân bằng chiến lược, thúc đẩy quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam cũng sẽ đứng trước các thách thức khó khăn hơn trong việc thực hiện phương châm “độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa” và duy trì được quan hệ hài hòa với các nước lớn⁹. Vai trò của ASEAN như một công cụ cân bằng chiến lược có thể được coi là nguồn lực chiến

⁴ Trao đổi tại Hội thảo Mạng lưới các viện nghiên cứu Đông Á (NEAT Working Group), “Tận dụng RCEP để kết nối chuỗi cung ứng ở Đông Á” (Leveraging RCEP for Supply Chains Connectivity in East Asia) tại Hoàng Sơn, tỉnh An Huy, Trung Quốc, ngày 22-23/7/2025.

⁵ TS. Nguyễn Minh Vũ (Chủ biên), *Cục diện thế giới đến năm 2045* (Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2024), 352-3.

⁶ Minh Phương, “Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu cán mốc 900 tỷ USD”, *Nhân Dân*, ngày 25/12/2025, <https://nhandan.vn/tong-kim-ngach-xuat-nhap-khau-lan-dau-can-moc-900-ty-usd-post932989.html>.

⁷ Ánh Phương, “Xuất nhập khẩu Việt Nam 2025: Vượt mốc 900 tỷ USD, xác lập kỷ lục mới”, *VOV*, ngày 4/1/2026, <https://baomoi.com/xuat-nhap-khau-viet-nam-2025-vuot-moc-900-ty-usd-xac-lap-ky-luc-moi-c54170373.epi>, truy cập ngày 7/1/2026.

⁸ Bảo Thoa, “Kịch bản đột phá cho nền kinh tế giai đoạn 2026-2030”, *Báo Lao động Thủ đô*, ngày 7/1/2026, <https://laodongthudo.vn/kich-ban-dot-pha-cho-nen-kinh-te-giai-doan-2026-2030-203682.html>, truy cập ngày 7/1/2026.

⁹ TS. Nguyễn Minh Vũ (chủ biên), *Cục diện thế giới đến năm 2045*, 54.

lược quan trọng giúp các nước thành viên, bao gồm cả Việt Nam, duy trì sự tự chủ chiến lược và tránh bị buộc phải lựa chọn bên. Trong bối cảnh bất ổn, bất định và căng thẳng địa chính trị, ASEAN vẫn thể hiện vai trò không thể thiếu trong những nỗ lực chung của toàn khu vực nhằm duy trì hòa bình và ổn định. Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) lần thứ 12 khẳng định ASEAN đóng vai trò chủ đạo trong việc định hình kiến trúc an ninh khu vực. Tuyên bố chung của ADMM+ (ngày 1/11/2025) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ luật pháp quốc tế, bao gồm Hiến chương Liên hợp quốc và tôn trọng Hiến chương ASEAN, Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC)¹⁰.

3. Giải pháp thích ứng chiến lược của Việt Nam

Một là, tăng cường đổi mới thể chế và nâng cao năng lực nội sinh của Việt Nam.

Nguồn lực quan trọng nhất của Việt Nam nằm ở năng lực tư duy, nhận thức về môi trường chiến lược, về năng lực hoạch định và thực thi các cải cách toàn diện và đổi mới thể chế trong nước. Trong bối cảnh chiến lược mới, cần tiếp tục có những nhận thức mới, tư duy mới, cách tiếp cận và cách làm mới về cả tổng thể chiến lược cũng như trong từng lĩnh vực cụ thể. Thích ứng chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ với các khái niệm như tự chủ chiến lược, đòi hỏi có tư duy chiến lược, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, linh hoạt, chủ động, sáng tạo¹¹. Việt Nam đã triển khai các nghị quyết then chốt trong đó xác định khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là những đột phá chiến lược, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - được xem như làn sóng “Đổi mới 2.0”¹². Sức hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam cho thấy hiệu quả của cải cách thể chế. Theo báo cáo của Cục Thống kê, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD, là mức cao nhất trong 5 năm qua. Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025 đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm 2024, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần¹³.

Đối mặt với áp lực từ chính sách thuế quan đối ứng của chính quyền Trump 2.0 và nguy cơ bị điều tra về việc “trung chuyển” (trans-shipment) không chính đáng, Việt

¹⁰ Tuyên bố chung của Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng mở rộng, 2025_Oct_12th ADMM-Plus_Kuala Lumpur_1 November_1. JOINT STATEMENT BY THE ASEAN DEFENCE MINISTERS’ MEETING PLUS (ADMM-PLUS).pdf, truy cập ngày 14/11/2025.

¹¹ TS. Vũ Lê Thái Hoàng (Chủ biên), *Xu thế tự chủ chiến lược trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam* (Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia Sự thật 2023), 319-321.

¹² Trần Quang Vinh, “Bộ tứ trụ cột” để Việt Nam cất cánh nâng tầm hội nhập, *Vietnam+*, ngày 1/6/2025, <https://www.vietnamplus.vn/bo-tu-tru-cot-de-viet-nam-cat-canhang-nang-tam-hoi-nhap-tren-nen-tang-noi-luc-post1041822.vnp>.

¹³ Hoàng Đan, “Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam chắt trong 5 năm”, *VnExpress*, ngày 7/1/2026, <https://vnexpress.net/von-fdi-thuc-hien-tai-viet-nam-cao-nhat-5-nam-5002733.html>.

Nam đã triển khai chiến lược ứng phó đa chiều, kết hợp với tăng cường minh bạch, cải thiện tuân thủ và đa dạng hóa thị trường. Việt Nam đã chủ động tăng cường tính minh bạch thương mại và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xuất xứ hàng hóa; xây dựng hệ thống giám sát và quản lý xuất xứ hàng hóa chặt chẽ hơn; tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế trong việc xác minh và chứng nhận xuất xứ. Đồng thời, Việt Nam không chỉ dừng lại ở vai trò trung chuyển mà tập trung phát triển năng lực sản xuất thực chất, từng bước hình thành năng lực tham gia chủ động ở các khâu có giá trị gia tăng cao.

Việt Nam đã áp dụng cách tiếp cận cân bằng trong việc thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ từ nhiều nguồn, tránh bị cuốn vào cuộc chiến công nghệ giữa các cường quốc. Việt Nam ưu tiên thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao hướng tới các dự án có tác động tích cực đến phát triển bền vững. Chuyển giao công nghệ và liên kết công nghiệp, kinh tế số, công nghệ xanh và năng lượng tái tạo được coi là những điểm sáng giàu tiềm năng. Nói cách khác, Việt Nam không chỉ dựa vào chuyển giao công nghệ từ bên ngoài mà còn đầu tư mạnh vào phát triển năng lực nội sinh. Chiến lược đổi mới coi trọng hợp tác quốc tế song song với việc phát huy các nguồn lực trong nước.

Hai là, thúc đẩy đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại, gia tăng vị thế và mở rộng không gian an ninh phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị và cạnh tranh leo thang giữa các cường quốc, Việt Nam đã áp dụng chiến lược cân bằng hiệu quả, giúp duy trì tự chủ chiến lược và tránh bị buộc phải lựa chọn bên. Việt Nam đã nâng cấp quan hệ với các đối tác lớn lên mức cao nhất, thể hiện cam kết duy trì quan hệ tốt với nhiều bên. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam với 25 nước (trong đó có 14 nước là đối tác chiến lược toàn diện) phản ánh chính sách cân bằng khéo léo, giúp Việt Nam tối đa hóa lợi ích từ các đối tác trong nhiều lĩnh vực, giảm thiểu rủi ro bị cuốn vào cuộc đối đầu nước lớn¹⁴.

Việt Nam chủ trương duy trì chính sách “Bốn không” - không liên minh quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không liên kết với nước này để chống nước kia, không sử dụng vũ lực, đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc phòng thực chất với nhiều đối tác. Sức mạnh quân sự của Việt Nam nhằm mục tiêu bảo vệ đất nước và đối phó với những hành động khiêu khích và gây hấn với Việt Nam.

Ba là, Việt Nam có thể thông qua ASEAN để thực hiện vai trò chủ thể hạt nhân có khả năng kết nối ở khu vực Đông Á¹⁵.

¹⁴ Tính tới tháng 11/2025, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam với 14 nước, bao gồm cả 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đặc biệt trong năm 2023 đã nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ và quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai có ý nghĩa chiến lược với Trung Quốc.

¹⁵ TS. Nguyễn Thanh Sơn, *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn trong bối cảnh thế giới hiện nay: Sự kết hợp các công cụ địa kinh tế và địa chính trị* (NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023), 256.

Phát huy được vai trò trung tâm, gia tăng vị thế của ASEAN sẽ giúp các quốc gia ở Đông Nam Á có khả năng duy trì tự chủ chiến lược, có sự điều chỉnh và thích ứng phù hợp với những biến động về chiến lược đối ngoại của các nước lớn để bảo đảm lợi ích của mình.

Việt Nam có thể đề xuất biện pháp cụ thể để tăng cường hiệu quả hợp tác ASEAN, phối hợp chặt chẽ với các nước ASEAN để khắc phục tình trạng phân hóa và xây dựng lập trường chung về các vấn đề cốt lõi, như cải thiện cơ chế ra quyết định, tăng năng lực thực thi cam kết, xây dựng cơ chế phản ứng nhanh với tình huống khủng hoảng. Việt Nam có thể đóng vai trò dẫn dắt trong việc thúc đẩy tự do hóa theo ngành (sectoral liberalization), vì cách tiếp cận này giúp tăng cường xây dựng lòng tin, thúc đẩy đoàn kết ASEAN, giúp ASEAN có tiếng nói mạnh hơn. Việt Nam cần tiếp tục tích cực chủ động nâng cao hiệu quả vai trò của ASEAN trên các diễn đàn đa phương.

Trong lĩnh vực hợp tác và cơ chế quản lý khủng hoảng ở Biển Đông, đối mặt với thực tế cục diện ở Biển Đông đã có những chuyển biến và áp lực ngày càng lớn, Việt Nam đã áp dụng chiến lược ứng phó đa chiều, đa tầng nấc kết hợp kiên định lập trường pháp lý, duy trì hiện diện thực tế và tận dụng cơ chế đa phương. Việt Nam kiên trì quan điểm UNCLOS 1982 là “mỏ neo” an ninh biển và con đường khả thi nhất để giải quyết các vấn đề tranh chấp biển đảo. Việt Nam đã phát huy các cơ chế hợp tác trong ASEAN để bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, kiên trì sử dụng khuôn khổ đa phương để chống lại các hành động đơn phương. Việt Nam nên tích cực thúc đẩy sớm hoàn thành Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) với nội dung thực chất, có tính ràng buộc pháp lý, coi đây là giải pháp của khu vực để giải quyết tranh chấp Biển Đông. Mặc dù có sự ưu tiên đàm phán song phương và phản đối đa phương hóa vấn đề từ một số bên, Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi tiến trình COC, bao gồm quy định cụ thể về hành vi của các bên, cơ chế giám sát thực thi hiệu quả quy trình giải quyết tranh chấp, xây dựng nguyên tắc “hành vi giữa các bên tăng sự hiểu biết”. Ngoài COC, Việt Nam nên thúc đẩy xây dựng cơ chế quản lý khủng hoảng ở Biển Đông, bao gồm đường dây nóng, trao đổi thông tin, biện pháp xây dựng lòng tin quân sự, góp phần giảm căng thẳng. Khi chủ trì Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 36 năm 2020, Việt Nam đã đưa UNCLOS vào tuyên bố chung, củng cố nền tảng pháp lý chống lại các yêu sách không có cơ sở lịch sử, pháp lý.

Ngoài ra, Việt Nam cần quan tâm thúc đẩy cân bằng chiến lược với các cường quốc tầm trung vì những nước này đóng vai trò quan trọng trong kiến trúc an ninh khu vực, xây dựng nền tảng cho một trật tự khu vực dựa trên luật lệ và hợp tác đa phương. Cạnh tranh Mỹ - Trung tuy đặt ra những khó khăn mới cho ASEAN, nhưng khi Đông Nam Á trở thành trọng điểm tranh giành chiến lược của các nước lớn thì điều này giúp cho

ASEAN trở thành đối tác tranh thủ nhiều hơn là đối tượng đấu tranh của cả hai siêu cường Mỹ, Trung Quốc cũng như các cường quốc khác ngoài khu vực¹⁶. Tại Hội thảo quốc tế Biển Đông lần thứ 17 tại Đà Nẵng (ngày 3-4/11/2025), Đại sứ EU nhận định các chủ thể hiện diện trong khu vực cần phối hợp để giải quyết các vấn đề về an ninh hàng hải, tiếp cận biển, chống khủng bố và quản trị cấp ngầm. Đại sứ Đức nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau dẫn đến lòng tin, an ninh và thịnh vượng, không dẫn đến sức ép đe dọa và bất tín¹⁷. Nhóm Bạn bè của UNCLOS, do Việt Nam và Đức đồng sáng lập hiện có 90 quốc gia, cho thấy cách các cường quốc tầm trung có thể khuếch đại ảnh hưởng ngoại giao thông qua các hình thức tập hợp lực lượng linh hoạt. Việc phối hợp có quản lý giữa các quốc gia Đông Nam Á với các nước lớn ngoài khu vực thông qua các hành động và cam kết cụ thể, bao gồm đảm bảo tự do hàng hải, tăng cường ngoại giao đa phương và thúc đẩy hợp tác quốc tế về sáng kiến kinh tế xanh bền vững sẽ góp phần thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực.

Kết luận

Thích ứng chiến lược của Việt Nam dựa trên ba nhóm giải pháp trụ cột: (1) đổi mới thể chế và nâng cao năng lực nội sinh thông qua cải cách toàn diện, đầu tư vào khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh; (2) đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại thông qua mở rộng mạng lưới FTA, thúc đẩy kết nối đa tầng và hệ thống thương mại dựa trên luật lệ, cân bằng quan hệ với nhiều đối tác, và tận dụng các cơ chế đa phương; (3) phát huy vai trò trung tâm của ASEAN như cơ chế cân bằng chiến lược nhằm tăng khả năng thích ứng đối phó với những thách thức địa chính trị, kinh tế từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở Đông Nam Á.

Trong ba nhóm giải pháp nêu trên, sự thay đổi về tư duy và cải cách đổi mới thể chế, tăng năng lực nội sinh chính là điều kiện then chốt để Việt Nam thực hiện thích ứng chiến lược thành công, đứng vững trước những cú sốc của môi trường bên ngoài. Với tầm nhìn chiến lược, sự linh hoạt thể chế và cam kết đổi mới, Việt Nam không chỉ có thể chuyển hóa thách thức thành động lực mà còn định vị mình như một “mắt xích kết nối” không thể thiếu, một “nhân tố giữ ổn định” trong chuỗi cung ứng khu vực, góp phần thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và thương mại tự do. Việt Nam đã thể hiện khả năng thích ứng chiến lược đáng chú ý trong việc ứng phó với áp lực đa chiều từ cạnh tranh giữa các cường quốc và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Thông qua cách thức vận dụng hiệu quả các nguồn lực chiến lược bao gồm vị thế địa chiến lược, mạng lưới FTA, vai trò trong ASEAN và năng lực cải cách thể chế, Việt Nam đã đạt được

¹⁶ Trung tướng, TS. Đỗ Lê Chi, *Việt Nam trước tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương* (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023), 234.

¹⁷ Trao đổi của các đại sứ trong Phiên thảo luận tại Hội thảo quốc tế Biển Đông lần thứ 17 tại Đà Nẵng (3-4/11/2025), <https://youtu.be/rHQGKOVKjXk?si=Vhm1Q2qNJ4FQIIsl>.

những thành công quan trọng: duy trì tăng trưởng kinh tế cao, thu hút FDI mức cao, nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, ứng phó với những thách thức từ chính sách thuế quan của Mỹ, cạnh tranh công nghệ, tranh chấp Biển Đông và nguy cơ phân cực địa chính trị, duy trì được cân bằng chiến lược.

Vai trò của ASEAN trong kiến tạo cấu trúc an ninh khu vực là không thể thay thế. Mặc dù đối mặt với những hạn chế cấu trúc và thách thức về sự đồng thuận, ASEAN vẫn là nền tảng quan trọng cho đối thoại đa phương, xây dựng chuẩn mực và duy trì không gian chiến lược cho các quốc gia nhỏ. Những giá trị và nguyên tắc của ASEAN cũng như hòa bình ổn định của khu vực Đông Nam Á trong suốt sáu thập kỷ qua đã thể hiện năng lực và vai trò của tổ chức này trong việc ứng phó với những áp lực từ cạnh tranh giữa các nước lớn. Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc, sự thu hẹp không gian cân bằng, những hạn chế trong vai trò của ASEAN cùng với những chuyển biến trong cục diện ở Biển Đông bất lợi cho các nước nhỏ trong ASEAN, nhận thức về khu vực và vấn đề an ninh phát triển của khu vực được tiếp cận từ góc độ mới và mở rộng hơn, Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò trong việc thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ (UNCLOS, COC), vận dụng sáng tạo, thích ứng linh hoạt, hiệu quả trong môi trường địa chính trị phức tạp. Sự tham gia mang tính xây dựng của các đối tác bên ngoài thông qua khuôn khổ đa phương, tôn trọng vai trò trung tâm của ASEAN và nguyên tắc không liên minh sẽ góp phần quan trọng vào sự ổn định và thịnh vượng của khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Lê Chi. *Việt Nam trước Tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương*, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023.
- Vũ Lê Thái Hoàng (chủ biên). *Xu thế tự chủ chiến lược trên thế giới và Hàm ý đối với Việt Nam*, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023.
- Trần Khánh. *Địa chiến lược Việt Nam Tầm nhìn 2030: Những vấn đề lý luận, thực tiễn và thích ứng chính sách* (xuất bản lần thứ 2), Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023.
- Đinh Thị Hiền Lương. *Sức mạnh mềm của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tác động và hàm ý đối với Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022.
- Đỗ Hồng Quân. *Việt Nam trước cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023.
- Nguyễn Thanh Sơn. *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn trong bối cảnh thế giới hiện nay: Sự kết hợp các công cụ địa kinh tế và địa chính trị*, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023.
- Trần Nam Tiến (chủ biên). *Cạnh tranh Mỹ - Trung và tác động đến khu vực Đông Nam Á*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2024.
- Nguyễn Minh Vũ (chủ biên). *Cục diện thế giới đến năm 2045*, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2024.
- Faiz Abdullah, Mohd (ed). *ASEAN in 2025: Shaping an inclusive and sustainable future*, ISIS Malaysia, 2025.
- Shambaugh, David. *Where Great Powers Meet: America & China in Southeast Asia*. Oxford University Press, 2021.